

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1  
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 141/2023/HS-ST

Ngày: 29-9-2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị M.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thùy D

2. Bà Đào Thị Mộng T

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Văn T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Ông Lương Tiểu H– Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 128/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2023; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2023/QĐXXST-HS ngày 15/9/2023, đối với bị cáo :

**NGUYỄN NGỌC T (Tên gọi khác: T Chuột)** - Sinh năm 1987 tại Bình Thuận; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận; Nơi ở hiện nay: Thôn 2, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N1; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N1; Con ông Nguyễn Văn N1 và bà Bạch Thị H3; Vợ Trương Thị H, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2010 và nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án: Ngày 28/01/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại bản án số 06/2019/HS-ST, chấp hành xong thời gian thử thách của án treo ngày 04/5/2020, chưa được xóa án tích; Ngày 11/01/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 06/2022/HS-ST, chấp hành xong án phạt tù ngày 17/02/2023 (bản án này đã xét xử T với tình tiết tăng nặng là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52

Bộ luật Hình sự), chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt.

**Bị hại:**

1/ Bà Nguyễn Thị Kim H2 - Sinh năm 1993.

2/ Ông Đoàn Vũ P - Sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

3/ Ông Nguyễn Thế N1 - Sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khu phố Tầm Hưng, thị trấn M, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Tất cả đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Lý Thu T1 - Sinh năm 1993 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Nhà tạm giữ Công an Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

**Người làm chứng:** Bà Trương Thị H - Sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn M, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Ngọc T là đối tượng có 02 tiền án. Trong thời gian chưa được xóa án tích, T tiếp tục thực hiện hai lần lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: khoảng 06 giờ 30 phút ngày 20/3/2023, do xe của vợ là bà Trương Thị H, bị hư hỏng nên T đi bộ đến nhà vợ cH2 bà Nguyễn Thị Kim H2, ông Đoàn Vũ P (bà H2 là cháu ruột của T), cách nhà T khoảng 400m để mượn xe mô tô. Khi đến đây thì chỉ có bà H2 ở nhà, T hỏi mượn xe mô tô để chở vợ đi làm thì bà H2 tin tưởng nên đồng ý, đưa cho T mượn xe mô tô, biển số 86B3-265.21 (xe do ông P đứng tên chủ sở hữu), không giao giấy tờ xe. T điều khiển xe mô tô, biển số 86B3-265.21 chở bà H đi làm tại Khu công nghiệp Phan Thiết rồi điều khiển xe trên đi về lại xã H, trên đường đi, T mua cà phê về nhà bạn tên Phan Xa, ở thôn 5, xã Hàm Đức (chưa xác định được lai lịch) để uống. Tại đây, do cần tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định cầm thế xe mô tô, biển số 86B3-265.21 của bà H2, T gọi điện thoại cho bạn là bà Lý Thu T1, ở khu phố 2, phường Phú Tài, thành Phố Phan Thiết hỏi mượn tiền và nói bà T1 đến xã Hàm Đức chơi thì bà T1 đồng ý. Khoảng 10 giờ cùng ngày, bà T1 cùng bạn trai là ông Nguyễn Đức Bình đến xã Hàm Đức chơi. Tại đây, T nói với bà T1: “Có tiền không cho T mượn, T để chiếc xe mô tô, biển số 86B3-265.21, mượn 02 - 03 triệu cũng được, hôm nào sẽ chuộc lại”. T nói dối xe mô tô, biển số 86B3-265.21 là của người nhà đưa cho T làm phương tiện đi lại, giấy tờ xe để ở nhà và do là chỗ

bạn bè nên bà T1 tin tưởng, đồng ý nhận thế chấp (bà T1 và ông Bình không biết xe mô tô là tài sản do T phạm tội mà có). Sau đó, ông Bình điều khiển xe mô tô, biển số 86B3-265.21, bà T1 điều khiển xe mô tô của bà T1, T nhờ một người tên “Trực” (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) điều khiển xe mô tô chở T đi đến nhà của bà T1 ở phường Phú Tài, thành phố Phan Thiết để lấy tiền, “Trực” điều khiển xe mô tô chở T đến nơi rồi đi về trước. Tại đây, bà T1 đưa cho T số tiền 3.000.000 đồng, T hứa với bà T1 khoảng 02 - 03 ngày sau sẽ đến chuộc xe mô tô lại. Sau khi nhận tiền, T đón xe ôm về lại xã Hàm Đức và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên (bà H không biết việc T cầm thế xe mô tô, biển số 86B3-265.21). Sau đó, do không thấy T đem xe mô tô, biển số 86B3-265.21 về trả cho mình nên ông P và bà H2 đến nhà tìm T thì T nói dối để xe ở nhà người quen, hứa hẹn sẽ đem xe mô tô về trả nhưng T không thực hiện nên ông P đến Công an xã Hàm Đức trình báo sự việc. Tiếp nhận tin báo, Công an xã Hàm Đức tiến hành xác minh, mời T về trụ sở làm việc, T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Còn bà T1 sau khi biết xe mô tô, biển số 86B3-265.21 do T phạm tội mà có đã tự nguyện giao nộp cho Công an xã Hàm Đức để xử lý theo quy định pháp luật.

Lần thứ hai: khoảng 07 giờ ngày 26/3/2023, T đi bộ đến phòng trọ của bạn tên “Nghĩa” ở thôn 2, xã Hàm Đức (chưa xác định được lai lịch), cách nhà T khoảng 100m chơi, tại đây, T gặp Nghĩa và ông Nguyễn Thế N1, đang chơi tại đây. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, khi chơi tại đây thì T, Nghĩa và ông N1 rủ nhau đi xuống nhà ông “Duy ba đồ” ở thôn Kim Ngọc, xã Hàm Thắng (chưa xác định được lai lịch), là bạn của T chơi. Sau đó, “Nghĩa” điều khiển xe mô tô, biển số 86B3-302.10 của ông N1 chở T và ông N1 đi xuống chòi của ông “Duy Ba đồ” chơi. Khi ngồi chơi tại đây được khoảng 15 - 20 phút thì do cần tiền tiêu xài nên T gọi điện thoại cho vợ là bà H đang làm việc tại Khu công nghiệp Phan Thiết mượn tiền, bà H nói không có tiền, để bà H đi vay mượn. Do không có xe đi nên T hỏi mượn chiếc xe mô tô, biển số 86B3-302.10 của ông N1 để đi xuống chỗ bà H làm để lấy tiền thì ông N1 tin tưởng, đồng ý cho mượn, giao chìa khóa xe mô tô cho T, không giao giấy tờ xe. Sau đó, T điều khiển xe mô tô trên đi đến Khu công nghiệp Phan Thiết gặp bà H để lấy tiền nhưng do bà H không vay mượn được nên chỉ đưa cho T số tiền 100.000 đồng để đỡ xăng. Lúc này, do không có tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định cầm thế xe mô tô, biển số 86B3-302.10 của ông N1. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô đến nhà của ông Bình và bà T1 để nhờ cầm thế xe giúp. Tại đây, T nhờ ông Bình và bà T1 cầm thế giúp xe mô tô, biển số 86B3-302.10 lấy số tiền từ 2.000.000 đồng – 3.000.000 đồng, T hứa vài hôm sau sẽ chuộc xe mô-tô lại. T nói dối xe mô tô, biển số

86B3-302.10 là của T mua lại và do là chỗ bạn bè nên ông Bình tin tưởng, đồng ý giúp, ông Bình điều khiển xe mô tô, biển số 86B3-302.10 đi cầm thế giúp T được số tiền 3.000.000 đồng, do T nói hoàn cảnh khó khăn nên bà T1 cho T thêm 500.000 đồng (bà T1 và ông Bình không biết xe mô tô là tài sản do T phạm tội mà có). Sau khi nhận số tiền trên, T sử dụng tiêu xài cá nhân hết và đón xe ôm về nhà (bà H không biết việc T cầm thế xe mô tô, biển số 86B3-302.10). Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, do không thấy T đưa xe về trả cho mình nên ông N1 tìm gặp T thì T nói dối là trên đường đi gặp lực lượng Công an, T bỏ chạy làm hư hỏng xe, đang để xe ở nhà đưa em, hứa hẹn sẽ đưa xe về trả lại nhưng T không thực hiện nên ông N1 đến Công an xã Hàm Thắng trình báo sự việc. Tiếp nhận tin báo, Công an xã Hàm Thắng tiến hành xác minh, mời T về trụ sở làm việc, T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Ông N1 sau khi biết việc T nhờ ông Bình cầm thế xe mô tô, biển số 86B3-302.10 của mình nên đã đến gặp ông Bình, đưa số tiền 4.300.000 đồng cho ông Bình để chuộc xe mô tô, biển số 86B3-302.10 về và giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hàm Thuận Bắc để xử lý theo quy định pháp luật.

Kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐGTS ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hàm Thuận Bắc kết luận: 01 xe mô tô, biển số 86B3-265.21, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, dung tích 110, màu sơn xanh – bạc, xe đăng ký lần đầu tháng 11/2013 đã qua sử dụng, thời điểm định giá ngày 20/3/2023. Trị giá là 4.600.000 đồng và 01 xe mô tô, biển số 86B3-302.10, nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, dung tích 134, màu sơn xanh – trắng, xe đăng ký lần đầu tháng 03/2014 đã qua sử dụng, thời điểm định giá ngày 26/3/2023. Trị giá là 11.700.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản định giá là 16.300.000 đồng (Mười sáu triệu, ba trăm nghìn đồng).

**Vật chứng thu giữ và xử lý:** Xe mô tô, biển số 86B3-265.21, chủ sở hữu là ông Đoàn Vũ P và bà Nguyễn Thị Kim H2 và xe mô tô, biển số 86B3-302.10, chủ sở hữu là ông Nguyễn Thế N1. Sau khi tạm giữ và làm rõ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hàm Thuận Bắc đã trả lại cho ông P và ông N1.

- Số tiền 7.300.000 đồng do Nguyễn Ngọc T tự nguyện giao nộp để bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Thế N1 và bà Lý Thu T1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hàm Thuận Bắc đã trả lại cho ông Nguyễn Thế N1 số tiền 4.300.000 đồng và bà Lý Thu T1 số tiền 3.000.000 đồng.

**Về dân sự:**

Sau khi nhận lại xe mô tô bà Nguyễn Thị Kim H2 và ông Đoàn Vũ P không yêu cầu Nguyễn Ngọc T bồi thường gì khác.

Ông Nguyễn Thế N1 yêu cầu Nguyễn Ngọc T bồi thường số tiền 4.300.000 đồng (tiền chuộc xe mô tô, biển số 86B3-302.10 về). Bà Lý Thu T1 yêu cầu Nguyễn Ngọc T bồi thường số tiền 3.000.000 đồng cầm thế xe mô tô, biển số 86B3-265.21. Nguyễn Ngọc T đã bồi thường đầy đủ số tiền trên cho ông N1, bà T1 nên ông N1 và bà T1 không yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại bản Cáo trạng số 135/CT-VKSHTB ngày 11/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc truy tố: Bị cáo Nguyễn Ngọc T (tên gọi khác: T Chuột) về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Nguyễn Ngọc T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử: **Áp dụng** Điểm g Khoản 2 Điều 175; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Phạt Nguyễn Ngọc T (tên gọi khác: T Chuột) từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hàm Thuận Bắc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc T khai nhận về hành vi phạm tội của bị cáo đúng như Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại Tòa phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra Công an huyện Hàm Thuận Bắc, các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa. Đủ căn cứ pháp luật để khẳng định: Khoảng 10 giờ ngày 20/3/2023, tại

thôn 2, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, bị cáo T đến nhà bà Nguyễn Thị Kim H2 mượn xe mô tô của bà H2 nói là chở vợ đi làm, do tin tưởng lời nói của T nên bà H2 đã đồng ý cho bị cáo T mượn xe mô tô biển số 86B3-265.21 (xe do ông P – chồng bà H2 đứng tên chủ sở hữu), sau khi có được xe bị cáo T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô trên để lấy tiền tiêu xài nên đã cầm thế xe mô tô trên cho Lý Thu T1 với số tiền 3.000.000 đồng. Trị giá xe mô tô bị chiếm đoạt qua định giá là 4.600.000 đồng. Cũng như lần 01, khoảng 14 giờ ngày 26/3/2023, tại thôn Kim Ngọc, xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, lợi dụng sự tin tưởng của ông Nguyễn Thế N1, bị cáo T đã mượn xe mô tô, biển số 86B3-302.10 của ông N1 nói là để đi gặp vợ là lấy tiền, sau khi có được xe bị cáo T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô trên để lấy tiền tiêu xài nên đã nhờ Nguyễn Đức Bình cầm thế xe mô tô trên với số tiền 3.000.000 đồng. Trị giá xe mô tô bị chiếm đoạt qua định giá là 11.700.000 đồng. Tổng giá trị 02 xe mô tô mà bị cáo T đã chiếm đoạt là 16.300.000 đồng.

Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Ngọc T đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, bị cáo đã tái phạm chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là tái phạm nguy hiểm được quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[3] *Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo T phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] *Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa bị cáo T khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại, được bị hại bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt, có cha là ông Nguyễn Văn N1 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] *Về hình phạt*: Đối với mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo, xét bị cáo phạm tội nghiêm trọng, căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] *Về dân sự*: Bị cáo T đã bồi thường thiệt hại cho các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và không ai yêu cầu bồi thường gì thêm nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với bà Lý Thu T1 có cầm thế xe mô tô, biển số 86B3-265.21 của Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Đức Bình có giúp T cầm thế xe mô tô, biển số 86B3-302.10. Tuy nhiên, bà T1 và ông Bình không biết các xe mô tô trên là tài sản do T phạm tội mà có nên không đủ cơ sở để xử lý bà T1 và ông Bình về tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đối với bà Trương Thị H, là vợ của bị cáo T, bà H không biết việc T lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe mô tô của người khác, bà H cũng không có hành vi gì để hỗ trợ hoặc giúp sức cho T trong việc chiếm đoạt xe mô tô của người khác nên không đủ cơ sở để xử lý bà H là đồng phạm với T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Ngọc T (tên gọi khác: T Chuột) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điểm g Khoản 2 Điều 175; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Ngọc T (tên gọi khác: T Chuột) phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

**Xử phạt:** Nguyễn Ngọc T (tên gọi khác: T Chuột) **02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

**Về án phí:** Bị cáo Nguyễn Ngọc T (tên gọi khác: T Chuột) phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**Về quyền kháng cáo đối với bản án:** Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/9/2023). Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện HTB;
- Công an huyện HTB;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- Cơ quan Thi hành án hình sự huyện Hàm Thuận Bắc;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký

**Nguyễn Thị M**